

Số: 218/2024/QĐST-HNGĐ

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hoan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Đức Phú

2. Ông Bùi Quang Hợi

Căn cứ vào Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 115/2021/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà P T L, sinh năm 1961

Cư trú tại: Khu Đạo Chân, phường Kim Chân, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Hoàng Ngọc Kiên, sinh năm 2001. Cư trú tại: Khu 5, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh là người đại diện theo ủy quyền của bà P T L (Văn bản ủy quyền lập ngày 26/02/2024)

Bị đơn: Ông Đ V L, sinh năm 1964

Cư trú tại: Khu Đạo Chân, phường Kim Chân, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đ X L (Đ X L), sinh năm 1960

Cư trú tại: Tổ 5, khu phố 8, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà P T L và ông Đ V L.

2.2. Về con chung: Bà Liên và ông Lân có 03 con chung là anh Đỗ Văn Nghĩa, sinh năm 1988, chị Đỗ Thị Lương, sinh năm 1990 và chị Đỗ Thị Ly, sinh năm 1993. Hiện tại cả ba con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường, ông bà không đề nghị Tòa án giao nuôi nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức:

2.3.1. Giao cho ông Đ X L (Đ X L) quản lý, sử dụng 84,9 m² đất thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ: Đạo Chân (cũ) nay là thửa đất 295, tờ bản đồ 26 tại khu Đạo Chân, phường Kim Chân, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh cùng toàn bộ tài sản có trên phần diện tích 84,9 m². Phần diện tích 84,9 m² này được giới hạn bởi các điểm 6', 7, 8, 9, 9', 6' (Chi tiết được thể hiện theo Sơ đồ phân chia thửa đất của Công ty Cổ phần Trắc địa và tài nguyên Việt Nam – *Có sơ đồ, vị trí, diện tích đất và tài sản trên đất kèm theo*).

2.3.2. Giao cho bà P T L quản lý, sử dụng 125,6 m² đất thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ: Đạo Chân (cũ) nay là thửa đất 295, tờ bản đồ 26 tại khu Đạo Chân, phường Kim Chân, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh cùng toàn bộ tài sản có trên phần diện tích 125,6 m². Phần diện tích 125,6 m² này được giới hạn bởi các điểm 4', 5, 6, 6', 9', 5', 4' (Chi tiết được thể hiện theo Sơ đồ phân chia thửa đất của Công ty Cổ phần Trắc địa và tài nguyên Việt Nam – *Có sơ đồ, vị trí, diện tích đất và tài sản trên đất kèm theo*).

3.3.3. Giao cho ông Đ V L quản lý, sử dụng 117,8 m² đất thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ: Đạo Chân (cũ) nay là thửa đất 295, tờ bản đồ 26 tại khu Đạo Chân, phường Kim Chân, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh cùng toàn bộ tài sản có trên

phần diện tích 117,8 m². Phần diện tích 117,8 m² này được giới hạn bởi các điểm 2,3,4,4',5',2',2 (Chi tiết được thể hiện theo Sơ đồ phân chia thửa đất của Công ty Cổ phần Trắc địa và tài nguyên Việt Nam – *Có sơ đồ, vị trí, diện tích đất và tài sản trên đất kèm theo*).

2.3.4. Bà P T L và ông Đ V L có trách nhiệm cắt 39,3 m² đất thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ: Đạo Chân (cũ) nay là thửa đất 295, tờ bản đồ 26 tại khu Đạo Chân, phường Kim Chân, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh làm ngõ đi chung của phần diện tích 84,9 m², phần diện tích 125,6 m² và phần diện tích 117,8 m² thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ: Đạo Chân (cũ) nay là thửa đất 295, tờ bản đồ 26, diện tích 367,6m² tại khu Đạo Chân, phường Kim Chân, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Phần diện tích 39,3 m² này được giới hạn bởi các điểm 2',5'9'9'10,2' (Chi tiết được thể hiện theo Sơ đồ phân chia thửa đất của Công ty Cổ phần Trắc địa và tài nguyên Việt Nam – *Có sơ đồ, vị trí, diện tích đất và tài sản trên đất kèm theo*)

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án.

2.4. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí phân chia tài sản khi ly hôn là 47.710.656 đồng cho bà P T L;

Miễn toàn bộ án phí phân chia tài sản khi ly hôn là 46.072.656 đồng cho ông Đ V L;

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 35.428.835 đồng cho ông Đ X L (Đ X L).

2.5. Về các chi phí tố tụng khác: Bà P T L, ông Đ V L và ông Đ X L (Đ X L) mỗi người phải chịu 7.333.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản lần 1 và 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản lần 2. Xác nhận bà P T L đã nộp 28.000.000 đồng tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản lần 1 và lần 2. Ông Đ V L có trách nhiệm hoàn trả bà P T L 9.333.000 đồng, ông Đ X L (Đ X L) có trách nhiệm hoàn trả bà Liên 9.333.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bà Liên, ông Lân, ông Lưu;
- Viện kiểm sát nhân dân tp Bắc Ninh;
- Chi cục THADS tp Bắc Ninh;
- Chi nhánh VP ĐKĐĐ Tp Bắc Ninh;
- UBND phường Kim Chân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hoan

